

## QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI VIỆT VỀ CÁI ĐẸP QUA CA DAO

LÊ HƯƠNG (\*)

*Quan niệm của người Việt về cái đẹp là một hình thức phát triển rất cao của cơ cấu giá trị trong nền văn hóa truyền thống Việt Nam. Nó trở thành hệ giá trị thẩm mỹ độc đáo trong văn học dân gian và là nhân tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Bài viết chỉ ra một số quan niệm về cái đẹp của người Việt qua ca dao được biểu hiện ở những khía cạnh sau: Thứ nhất, quan niệm về cái đẹp của thiên nhiên; thứ hai, quan niệm về cái đẹp của con người; thứ ba, quan niệm cái đẹp gắn với việc lý tưởng hóa đời sống; thứ tư, cái đẹp gắn liền với sự hài hòa; thứ năm, cái đẹp gắn liền với cái tốt.*

C a dao là một trong những loại hình văn học dân gian kết tinh nhiều giá trị văn hóa thẩm mỹ phong phú của dân tộc từ ngàn đời nay, trong đó có quan niệm của người Việt về cái đẹp. Quan niệm của người Việt về cái đẹp của tự nhiên, cái đẹp của con người trong các quan hệ của đời sống đã phản ánh chân thực trí tuệ, tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của người Việt. Quan niệm về cái đẹp trong ca dao đã trở thành một hệ chuẩn thẩm mỹ tinh hoa của dân tộc. Chính vì vậy, ca dao là sản phẩm tinh thần và là nhu cầu thẩm mỹ không thể thiếu trong đời sống, lao động, đấu tranh của người Việt. Bài viết này đi vào tìm hiểu quan niệm của người Việt về cái đẹp qua ca dao như một hành trình trở về với cội nguồn, tôn vinh những giá trị thẩm mỹ đậm đà bản sắc dân tộc trong đời sống hiện nay.

Sự ra đời và phát triển quan niệm của người Việt về cái đẹp qua ca dao dựa trên một cơ sở xã hội nhất định. Thứ nhất, cái đẹp có nguồn gốc từ lao

động. Quan niệm của người Việt về cái đẹp được hình thành trong nền sản xuất thuần nông và sinh hoạt mang tính tập thể. Không khí sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt tập thể là môi trường nuôi dưỡng các sáng tác dân gian: Những câu ca dao, tục ngữ, những làn điệu dân ca, điệu hò, điệu ví... Cùng với lao động và trong lao động, những sáng tác này ra đời, không chỉ đơn thuần để giải trí, mà còn có mục đích thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của người hát và bộc lộ quan niệm của họ về cái đẹp. Quan niệm về cái đẹp của người Việt được nảy sinh và phát triển “gắn liền với mọi hoạt động lao động và sinh hoạt của nhân dân và tham gia vào những sinh hoạt đó với tư cách là một thành phần, một nhân tố cấu thành của sinh hoạt đó”(1).

(\*)Tiến sĩ, Phòng Đạo đức - Mỹ học, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đinh Gia Khánh (chủ biên). Văn học dân gian Việt Nam. NXb Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.14.

*Thứ hai*, quan niệm về cái đẹp của người Việt được hình thành khi năng lực thẩm mỹ của họ phát triển ở một mức độ nhất định. Về vấn đề này, C.Mác cho rằng, “chỉ có thông qua sự phong phú, đã được phát triển về mặt vật chất, của bản chất con người, thì sự phong phú của tính cảm giác chủ quan của con người mới phát triển”(2). Điều đó cho thấy, chỉ khi cảm xúc thẩm mỹ không bị lệ thuộc vào những nhu cầu thực tiễn thô thiển, thì khi đó, quan niệm về cái đẹp mới là một phần tất yếu của đời sống.

Ý thức thẩm mỹ của người Việt trong ca dao được hình thành từ trước khi xã hội xuất hiện giai cấp. Nhưng ý thức thẩm mỹ đó chỉ thực sự phát triển thành quan niệm thẩm mỹ và ngày càng được hoàn thiện khi có sự phân công lao động và sự xuất hiện của chữ viết. Chính điều kiện lịch sử xã hội đó đã tạo điều kiện cho nhân dân lao động phát triển các năng lực thẩm mỹ của mình. Bằng việc sáng tác các loại hình nghệ thuật dân gian, trong đó có ca dao, nhân dân lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nhận thức, cải tạo thực tiễn và thể hiện các quan niệm về cái đẹp của mình.

Quan niệm của người Việt về cái đẹp qua ca dao được biểu hiện ở những khía cạnh sau:

*Thứ nhất, quan niệm về cái đẹp của thiên nhiên.*

Rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên là một phần trong ý thức thẩm mỹ của người Việt. Theo quan niệm của người Việt, cái đẹp của thiên nhiên trong ca dao là *cái đẹp tràn đầy sự*

*sống*. Thiên nhiên trong ca dao là cả một thế giới vô cùng phong phú, đa dạng, từ hoa cỏ - cây lá, đến núi - sông, mưa - nắng, gió - mây, đến đất cát, sỏi đá,... đều chứa chan sự sống; là một *thế giới sống động tồn tại bên cạnh cuộc sống của con người*. Trong gốc rễ sâu xa, người dân coi sự sinh trưởng và vận động của vạn vật là sự sống và bản thân sự sống đã là đẹp. Cái đẹp của của thiên nhiên trong ca dao là ở cảnh vật có sinh khí, sơn thủy hữu tình, sông núi hài hòa. Cảnh vật luân chuyển, hoạt động, tràn đầy sức sống xanh tươi nhưng cũng gắn bó, tương thông với con người một cách “hữu tình”. Cảnh đẹp ấy bên cạnh hình dáng uyển chuyển và màu sắc tươi tắn còn là hình ảnh của ấm no, hạnh phúc. Vẻ đẹp xanh tươi của cánh đồng lúa hứa hẹn một mùa gặt no ấm, nghĩa là gắn với cảm giác về sự sung túc, với cái có ích. Vẻ đẹp của dòng sông không chỉ với hình dáng uốn cong mềm mại, mà còn có giá trị bồi đắp phù sa cho mùa màng bội thu. Trong thẩm mỹ của người Việt, cái đẹp và cái có ích gắn chặt với nhau. Do đó, vẻ đẹp tràn đầy sức sống của thiên nhiên trong ca dao vừa mang giá trị thẩm mỹ, vừa mang những giá trị thực tế bởi những lợi ích của thiên nhiên nuôi dưỡng sự sinh tồn của con người.

Cái đẹp của thiên nhiên trong ca dao còn được thể hiện ở *cái tình của con người với thiên nhiên*. Do đặc trưng lao động và sinh hoạt mang tính thuần

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.42. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.175.

nông nên người Việt gắn chặt với thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm lẽ sống của mình và ở đâu họ cũng tìm thấy cái tình của con người với thiên nhiên xung quanh mình. Cái tình ở đây là cái tình của con người với núi sông, trăng sao, mây gió, đất đai, cây cỏ. Cái tình đó lại càng sâu nặng hơn khi người Việt gắn thiên nhiên với cội nguồn: “*Con người có cội, có ông! Như cây có cội, như sông có nguồn*”(3); gắn thiên nhiên với tình cha nghĩa mẹ: “*Công cha như núi Thái Sơn / Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*”(4); gắn thiên nhiên với tình yêu lứa đôi: “*Ngày ngày em đứng em trông / Trông non, non ngắt, trông sông, sông dài / Trông mây, mây kéo ngang trời / Trông trăng, trăng khuyết, trông người, người xa*”(5). Chính cái tình với thiên nhiên đã dẫn đến tình yêu gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Có thể nói, vẻ đẹp của thiên nhiên trong ca dao không chỉ là tình yêu của người Việt với những cảnh vật xung quanh mình, sự chiêm ngưỡng những cảnh đẹp hàng ngày gắn bó với mình mà còn là tình cảm thiêng liêng hướng về gia đình, quê hương, Tổ quốc.

Quan niệm của người Việt về cái đẹp được hình thành từ hoạt động lao động tích cực và từ năng lực giao cảm của con người với thiên nhiên. Thiên nhiên là lẽ sống của người Việt, đồng thời là cơ sở của cái đẹp. Thiên nhiên là cái đẹp đầu tiên, cái đẹp có trước. Người có đẹp thì người cũng chỉ là một bộ phận của tự nhiên: “*Người là hoa đất*”. Thiên nhiên trong ca dao chứa đựng tư tưởng về sự thống nhất giữa con người và tự nhiên. Những hành động nào hợp với tự

nhiên thì cũng là hợp với đạo sống của con người. Sự hòa hợp giữa con người với tự nhiên tạo nên sự cân bằng tĩnh tại trong tâm thế con người. Con người bình tĩnh, tự tin đối mặt với những khó khăn, vất vả trong cuộc sống, dùng cảm vượt qua những khắc nghiệt của tự nhiên. Quan niệm của người Việt về cái đẹp của thiên nhiên qua ca dao cho thấy, ngay từ xưa, người Việt đã ý thức rất sớm về sự gắn bó của con người đối với môi trường sống. Ngày nay, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên đang là vấn đề sống còn của nhân loại. Từ quan niệm của người Việt về cái đẹp của thiên nhiên qua ca dao, giúp ta nhận thức sâu sắc hơn vấn đề con người và môi trường, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thế giới hiện nay.

*Thứ hai, quan niệm về cái đẹp của con người.*

Trước hết, người Việt quan niệm cái đẹp của con người qua ca dao được thể hiện ở *tình thần lao động*. Đó là thái độ chăm chỉ, cần cù trong lao động: “*Bời anh chăm việc canh nông / Cho nên mới có bồ trong bịch ngoài / Ngày mùa tươi đậu ngô khoai / Ngày ba tháng tám mới ngồi mà ăn*”(6). Sự khó nhọc, lao động vất vả được đền bù, với người nông dân đó chính là cái đẹp trong lao động, thứ lao động vất vả, khó nhọc nhưng tràn đầy lạc quan hy vọng. Chính sự lạc quan và hy vọng là khởi nguồn của cái đẹp. Niềm vui được mùa tạo động lực

(3) Vũ Ngọc Phan. *Tục ngữ ca dao, dân ca Việt Nam*. Nxb Thời đại, 2010, tr.277.

(4) Vũ Ngọc Phan. *Sđđ.*, tr.274.

(5) Vũ Ngọc Phan. *Sđđ.*, tr.187.

(6) Vũ Ngọc Phan. *Sđđ.*, tr.156.

thúc đẩy con người làm việc chăm chỉ, nỗ lực sớm hôm để vụ mùa nối tiếp bội thu. Tinh thần lạc quan trong lao động đem lại hứng thú không chỉ cho một cá nhân riêng lẻ mà mang lại sự hứng thú phổ biến có tính xã hội. Khi một hiện tượng tạo nên sự hứng thú có tính chất xã hội rộng lớn như vậy, thì nó chính là cái đẹp.

Với quan niệm của người Việt trong ca dao, cái đẹp còn được *thử thách* trong lao động. Giữa cái đẹp chân thực và cái đẹp giả tạo, người lao động chọn cái đẹp của sự chân thực: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. Chỉ có cái đẹp của tự nhiên, cái đẹp được thử thách trong lao động mới có giá trị chân thực và được trân trọng.

Như vậy, quan niệm của người Việt về cái đẹp khác với quan niệm duy mỹ có tính bay bổng, lãng mạn trong xã hội văn minh vật chất, cũng khác với quan niệm duy lý, dùng cái đẹp của lý trí trấn áp cái đẹp của bản năng. Người Việt chuộng cái đẹp tự nhiên, không bị gò bó, không giả tạo, đó là cái đẹp tràn trề sức sống xuất phát từ nguồn sống mạnh mẽ trong bản chất của con người.

*Thứ ba, quan niệm cái đẹp gắn với việc lý tưởng hóa đời sống.*

Người Việt lý tưởng hóa đời sống để làm gì? Xuất phát từ triết lý: Con người là một cá thể của tự nhiên, chịu sự tác động theo quy luật của vũ trụ thì con người mới có tự do và tự do đó mới có thể giúp họ tồn tại được. Trong chế độ phong kiến, đời sống của người Việt hết sức cơ cực, họ bị bóc lột, lao động cưỡng bức. Cái đẹp của con người, của đời sống không thể được tạo ra từ thứ lao động cực nhọc, bị cưỡng bức. Con người phải

lý tưởng hóa đời sống để có niềm tin và sự lạc quan, từ đó họ tìm thấy cái đẹp của bản thân mình và cái đẹp của đời sống xung quanh họ.

Khi lý tưởng hóa lao động, người Việt mới có thể thỏa mãn nhu cầu thường thức và sáng tạo của mình, bởi thực tế, đời sống của họ không có được những điều kiện như vậy. Đến với nghệ thuật: “Con người gặp gỡ chính mình; tinh thần con người gặp gỡ tinh thần con người”(7). Đó là giây phút con người tạm quên đi sự nghèo đói, túng quẫn của cuộc sống hàng ngày. Đó là những khoảnh khắc để con người giao tiếp với cái đẹp một cách vô tư. Khi lý tưởng hóa lao động, người dân lao động dường như thoát khỏi mọi xiềng xích, mọi quy tắc, thoát khỏi sức mạnh nghiệt ngã của các quy luật, sự nghiệt ngã của hiện thực. Họ đã để cho thế giới của tình cảm, chơn trí tưởng tượng bay bổng để sáng tạo và thưởng ngoạn cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của tình yêu đôi lứa.

Khuynh hướng “lý tưởng hóa” đời sống còn được bộc lộ rõ hơn nữa trong những ước mơ về cuộc sống gia đình sung túc, giàu có: “*Ước gì anh lấy được nàng / Để anh mua gạch Bát Tràng về xây / Xây dọc rồi lại xây ngang / Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân*”(8). Cuộc sống mà người lao động mơ ước là tất cả những gì mà họ không có trong đời thực. Vì vậy, những mơ ước về cuộc sống giàu sang, phú quý như bù đắp cho mọi thiếu thốn, nghèo khổ, bù đắp cho mọi sự bất công và vất vả mà họ

(7) Immanuel Kant. *Phê phán năng lực phán đoán* (Bùi Văn Nam Sơn dịch). Nxb Tri thức, 2007, XLII.  
(8) Vũ Ngọc Phan. *Sđđ.*, tr.182.

phải chịu đựng. Những hình ảnh lý tưởng về cuộc sống trong ca dao là một hình thức thẩm mỹ hóa thực tế nghèo nàn, nó phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp của tầng lớp nhân dân lao động nói chung cho một cuộc sống tự do, không còn bất công và đau khổ.

Có thể nói, việc lý tưởng hóa thẩm mỹ trong lao động của người Việt có một ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần và trong sáng tác nghệ thuật. “Nếu con người không biết nhìn vào hoạt động của mình trên quan điểm thẩm mỹ, thì họ không thể nào chịu đựng được công việc lao động vất vả đến kiệt sức, không thể chịu đựng được những bất công, áp bức đè nặng lên vai họ trong xã hội phong kiến”(9). Do vậy, bằng việc lý tưởng hóa đời sống, người lao động tạo ra cảm giác hạnh phúc cho mình. Cuộc sống của họ có sinh khí hơn, họ có ý thức về sức mạnh của mình, về quyền của mình, về sự tự do của mình để đứng lên chống lại sự bất công và áp bức của chế độ phong kiến.

*Thứ tư, cái đẹp gắn liền với sự hài hòa.*

Trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt, cái đẹp gắn liền với sự hài hòa. Từ trong sâu thẳm ý thức con người, những gì hài hòa thường là cơ sở tạo nên cảm giác đẹp, dễ chịu. Trước hết, đó là vẻ đẹp hài hòa trong thiên nhiên. Chẳng hạn, trong ca dao, núi sông là một trong những biểu tượng của vẻ đẹp hài hòa. Đối với người Việt, núi – sông là những sự vật gắn bó chặt chẽ với đời sống con người, núi sông là cột trụ của sự sống, núi không thể thiếu sông, sông cần phải có núi, thiếu một trong hai cái đó, sự sống không tồn tại như âm thiếu dương,

dương không có âm. Vì vậy, hình ảnh sông núi bên nhau tượng trưng cho vẻ đẹp hài hòa của trời, đất, con người.

Đối với con người, vẻ đẹp hài hòa được thể hiện ở sự cân đối giữa các yếu tố bộ phận về mặt hình thức. Trong ca dao, vẻ đẹp hài hòa của người phụ nữ là sự kết hợp giữa khuôn mặt với dáng hình. Người phụ nữ có khuôn mặt đẹp là sự cộng hưởng cái đẹp của các bộ phận: “Đôi mắt đẹp, “đôi mắt bồ câu”, “đôi mắt lá dăm” đi liền với “đôi chân mày lá liễu”, hàm răng đen nhúc, “miệng cười như thể hoa ngâu”, “làn da trắng”, “mái tóc đen”. Khuôn mặt đẹp phải đi liền với dáng hình mảnh mai, “thắt đáy lưng ong”...

Cái đẹp về sự hài hòa còn được thể hiện ở sự phù hợp giữa hình thức và nội dung. Người phụ nữ đẹp ngoài gương mặt, dáng hình đẹp còn phải có cái đẹp của lời ăn tiếng nói. Trong ca dao có rất nhiều câu ca ngợi cái đẹp trong lời ăn tiếng nói của con người: “Chim khôn nói tiếng rảnh rang / Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”(10). Cho nên, nếu đã là người đẹp thì phải có giọng nói đẹp, đó là giọng nói thanh tao, ngọt ngào, và cao hơn có một tâm hồn đẹp, một nhân cách đẹp.

Cái đẹp về sự hài hòa còn được thể hiện trong lao động, chỉ sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý trong lao động: “Trên đồng cạn, dưới đồng sâu / Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa”(11). Sự hài hòa

(9) V.Guxep. *Mỹ học Folklor* (Hoàng Ngọc Hiến dịch). Nxb Đà Nẵng, 1999, tr.499.

(10) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Thi ca bình dân Việt Nam*, t.1. Nxb Hội nhà văn, 1998, tr.380.

(11) Vũ Ngọc Phan. *Tục ngữ và dân ca Việt Nam*. Nxb Sử học, Hà Nội, 1961, tr.69.

này tạo nên một không khí vui tươi, một tinh thần hăng say trong lao động.

Sự hài hòa cũng được tạo nên từ sự tương xứng lứa đôi: “*Anh còn son em cũng còn son / Ước gì ta được làm con một nhà*” (12). Như vậy, hài hòa tạo thành một đặc trưng quan trọng của cái đẹp. Đối với người Việt, vẻ đẹp của sự hài hòa được biểu hiện rất sinh động. Quan niệm cái đẹp gắn liền với sự hài hòa có tính biến đổi linh hoạt, do thực tiễn thẩm mỹ của người Việt quy định.

*Thứ năm, cái đẹp gắn liền với cái tốt.*

Trong nền văn hóa của người Việt, sự đánh giá thẩm mỹ một hành vi hay một nhân cách trước hết được nhìn nhận thông qua giá trị đạo đức. Giá trị đạo đức chiếm một vị trí nổi bật trong sự điều tiết các hành vi quan hệ người và mọi quan hệ xã hội. Cho nên, trong đời sống tinh thần thì ý thức thẩm mỹ cũng bị chi phối mạnh mẽ bởi giá trị đạo đức. Vì vậy, cái đẹp về hình thức phải đi liền với cái đẹp về nội dung. Cái đẹp về hình thức phải gắn liền với các chuẩn mực đạo đức tốt và nhiều khi cái đẹp hình thức phải nhường chỗ cho cái đẹp tâm hồn: “*Cái nét đánh chết cái đẹp*” hoặc “*xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người*”.

Trong ca dao, cái đẹp của cuộc sống sinh hoạt gia đình được biểu hiện ở ý thức hòa thuận để xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Cái cốt lõi trong gia đình, theo quan niệm của người Việt, là yếu tố hòa thuận, hòa thuận mới tạo nên sự nghiệp: “*Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn*”. Hòa thuận là nguồn gốc của hạnh phúc gia đình. Trong ý thức gia

đình, người Việt không lấy yếu tố tài năng làm căn bản mà cho yếu tố hòa thuận là quan trọng căn bản. Muốn tạo không khí hòa thuận trong gia đình, vợ chồng thường lấy nhẫn nhịn làm đầu. Người Việt có câu: “*Một câu nhịn là chín câu lành*”. Dĩ nhiên, nhẫn nhịn phải tương ứng. Chẳng những vợ phải nhịn chồng mà chồng cũng phải nhịn vợ. Đó là sự hòa thuận trong mâu thuẫn. Ở trường hợp này lý trí vượt hẳn bản năng. Ca dao có câu: “*Chồng giận thì vợ bớt lời / Cơm sôi bớt lửa không đời nào khê*” (13). Ý thức nhẫn nhịn này phần lớn phụ thuộc vào người đàn bà, bởi ý thức hệ phong kiến rất coi trọng người đàn ông, theo đó mà áp đặt trong gia đình, người chồng có vai trò quyết định mọi việc, còn người vợ và con cái phải phục tùng. Vì vậy, để giữ hòa thuận trong gia đình, người đàn bà phải cam chịu mọi thiệt thòi, phải nhẫn nhịn “*nghe theo lời chồng*”.

Bảo vệ gia đình bằng phương thức nhường nhịn có tác dụng khá quan, tác dụng nhất thời, nhưng chưa đủ. Trong gia đình, người Việt chú trọng sự nhường nhịn để tránh đổ vỡ, đồng thời, dùng đạo vợ chồng để cảm hóa lẫn nhau. Đây là một biểu hiện sinh động của cái đẹp trong cuộc sống gia đình người Việt.

Đạo vợ chồng là yếu tố cốt lõi để ngăn chặn bạo lực gia đình. Chẳng hạn, trước nạn đánh vợ của người chồng, người đàn bà đã khéo léo cảm hóa người

(12) Vũ Ngọc Phan. *Tục ngữ ca dao, dân ca Việt Nam*. Sđđ., tr.169.

(13) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Thi ca bình dân Việt Nam*. Sđđ., t.2, tr.284.

chồng bằng cách nhắc nhở họ lúc vợ chồng đồng cam cộng khổ: “*Giờ roi đánh thiếp sao đành, / Anh không nhớ thuở rách lành có nhau*”(14). Hoặc trong trường hợp người vợ mắc lầm lỗi, người chồng thay vì đánh đập vợ anh ta cũng phải đắn đo: “*Không đánh bậu để bậu lòng tuồng! / Dang tay đánh bậu, thêm buồn dạ anh*”(15).

Trong gia đình người Việt còn dùng tình yêu thương vợ chồng để sửa chữa thói hư tật xấu của nhau. Chẳng hạn, gặp người chồng mãi rượu chè, cờ bạc, người vợ đã dựa vào đạo vợ chồng để khuyên can: “*Anh ơi! Anh ở lại nhà, / Thời đừng cờ bạc nữa mà hư thân! / Ham chi những của phù vân, / Lỡ ra công nợ nhiều phần xấu xa*”(16). Hoặc gặp phải người chồng biếng nhác, không lo xây dựng sự nghiệp gia đình, người vợ khuyên: “*Triều đình còn chuộng thi thu, / Khuyên anh đèn sách sớm trưa học hành! / May nhờ phận có công danh! / Mà anh phú quý, ấy mình về vàng*”(17).

Những lời cảm hóa trên đây có một sức mạnh phi thường thức tỉnh những người chồng bê tha, trụy lạc biết trở về với trách nhiệm của mình trong gia đình. Nếu không có sự cảm hóa đó thì người chồng càng sa vào tội lỗi và cũng chẳng bao giờ có những lời ăn năn tha thiết: “*Đêm thanh, nguyệt xế, sao tà / Anh nguyện thế tu bề, ở nhà với em*”(18).

Ở đây, chúng ta thấy cả một nghệ thuật ứng xử, ứng biến khôn khéo, mềm mỏng và quyết liệt trong gia đình của người Việt mà phần nhiều thuộc về người đàn bà để giữ được hòa thuận

trong gia đình. Đây là một nét đẹp trong gia đình người Việt, không chỉ thời xưa mà cả thời nay, càng cần được coi trọng.

Như vậy, đối với người Việt, tình nghĩa vợ chồng hay còn gọi là đạo vợ chồng là phạm trù mang ý nghĩa đạo đức - thẩm mỹ. Đạo vợ chồng là biểu hiện sinh động về cái đẹp trong cuộc sống gia đình của người Việt. Nhờ có đạo vợ chồng mà gia đình người Việt được cấu kết bền chặt, mang giá trị thiêng liêng; đồng thời vượt qua mọi sóng gió, khó khăn để duy trì, tiếp nối những giá trị tốt đẹp từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Có thể nói, quan niệm về cái đẹp của người Việt bị quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất và quan hệ đạo đức. Quan niệm về cái đẹp của người Việt, về cơ bản, là sự thống nhất giữa cái thực tế - cái mỹ - cái tốt. Chính sự gắn bó giữa các giá trị đó đã trở thành động lực tinh thần, tạo nên sức sống mãnh liệt, niềm tin của nhân dân vào sức mạnh của mình trong lao động và cuộc sống. Quan niệm về cái đẹp của người Việt trong ca dao là một hình thức phát triển của cơ cấu giá trị trong nền văn hóa truyền thống Việt Nam. Nó trở thành hệ giá trị thẩm mỹ độc đáo trong văn học dân gian và là nhân tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. □

(14) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Sđđ.*, t.2, tr.285.

(15) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Sđđ.*, t.2, tr.287.

(16) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Sđđ.*, t.2, tr.293.

(17) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Sđđ.*, t.2, tr.293.

(18) Nguyễn Tấn Long, Phan Canh. *Sđđ.*, t.2, tr.294.